

Số: 1452 /TB - ĐKTLN

Thừa Thiên Huế, ngày 11 tháng 8 năm 2022

THÔNG BÁO

Kết luận số 1451/KL-ĐKTLN ngày 10/8/2022 của Đoàn kiểm tra về kết luận kiểm tra việc thi hành pháp luật xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai; xây dựng; y tế; an ninh, trật tự, an toàn xã hội tại Ủy ban nhân dân phường Phú Bài

Thực hiện Quyết định số 1222/QĐ-UBND ngày 24/5/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về kiểm tra liên ngành việc thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn tỉnh năm 2022, Đoàn kiểm tra đã tiến hành kiểm tra việc thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực: đất đai; xây dựng; y tế; an ninh, trật tự, an toàn xã hội tại Ủy ban nhân dân phường Phú Bài.

Trên cơ sở kết quả làm việc, Biên bản kiểm tra, Báo cáo số 246/BC-UBND ngày 12/5/2022 của Ủy ban nhân dân phường (Báo cáo kiểm tra) và các thông tin, tài liệu có liên quan, Đoàn kiểm tra đã ban hành Kết luận số 1451/KL-ĐKTLN ngày 10/8/2022 kết luận kiểm tra việc thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực: đất đai; xây dựng; y tế; an ninh, trật tự, an toàn xã hội tại Ủy ban nhân dân phường Phú Bài giai đoạn từ ngày 01/01/2019 đến ngày 31/12/2020.

Căn cứ quy định tại khoản 4 Điều 15 Nghị định số 19/2020/NĐ-CP ngày 12/02/2020 của Chính phủ về kiểm tra, xử lý kỷ luật trong thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính, Đoàn kiểm tra thông báo công khai Kết luận kiểm tra như sau:

I. ĐÁNH GIÁ CHUNG

Nhìn chung nhiệm vụ quản lý công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính được Lãnh đạo Ủy ban nhân dân phường quan tâm, chỉ đạo, tổ chức triển khai thực hiện đạt được những kết quả tích cực, góp phần quan trọng trong việc nâng cao nhận thức và ý thức chấp hành pháp luật về các lĩnh vực: đất đai, xây dựng, y tế và an ninh, trật tự, an toàn xã hội của cán bộ, công chức, doanh nghiệp và Nhân dân trên địa bàn.

Tuy nhiên, công tác này vẫn còn những hạn chế, tồn tại, sai sót trong quá trình tổ chức thực hiện và cần phải được chấn chỉnh, xử lý, khắc phục kịp thời, góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả đối với công tác này trong thời gian tới.

II. KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC

1. Việc thực hiện nhiệm vụ quản lý công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính

a) Hàng năm trên cơ sở kế hoạch thực hiện công tác quản lý thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính của Ủy ban nhân dân thị xã, Ủy ban nhân dân phường đã xây dựng, ban hành kế hoạch để triển khai thực hiện.

b) Công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật được Ủy ban nhân dân phường quan tâm, chỉ đạo thực hiện với nhiều nội dung, hình thức đa dạng, mang lại nhiều kết quả tích cực, góp phần đưa pháp luật nói chung trong đó có pháp luật về xử lý vi phạm hành chính vào đời sống xã hội, nâng cao nhận thức, ý thức trách nhiệm của nhân dân. Hàng năm đều cử cán bộ, công chức tham dự tập huấn theo kế hoạch của các Sở, ngành và Ủy ban nhân dân thị xã.

c) Đã bố trí công chức và các điều kiện khác để bảo đảm cho việc thi hành pháp luật xử lý vi phạm hành chính.

d) Công tác báo cáo, thống kê số liệu theo định kỳ, đột xuất hàng năm về xử lý vi phạm hành chính được thực hiện theo đúng quy định tại Nghị định số 81/2013/NĐ-CP ngày 19/7/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính (được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 97/2017/NĐ-CP).

đ) Việc lưu trữ hồ sơ xử phạt vi phạm hành chính khoa học thuận tiện cho công tác quản lý, tra cứu.

2. Việc áp dụng pháp luật về xử phạt vi phạm hành chính

a) Việc thực hiện công tác xử phạt vi phạm hành chính trong các lĩnh vực: đất đai, xây dựng, y tế và an ninh, trật tự, an toàn xã hội về cơ bản việc lập biên bản vi phạm hành chính và ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính tuân thủ đúng trình tự, thủ tục, thẩm quyền theo quy định pháp luật.

b) Từ ngày 01/01/2019 đến 31/12/2020, người có thẩm quyền của Ủy ban nhân dân và Công an phường đã ban hành 62 quyết định xử phạt vi phạm hành chính. Số quyết định xử phạt đã thi hành chiếm tỷ lệ cao: 57 quyết định (92%). Số tiền thu được là 64.900.000 đồng.

c) Quá trình xử phạt vi phạm hành chính không phát sinh khiếu nại, tố cáo.

III. NHỮNG TỒN TẠI, HẠN CHẾ

1. Việc thực hiện nhiệm vụ quản lý công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính

a) Kinh phí, cơ sở vật chất và các điều kiện khác để bảo đảm cho việc thi hành pháp luật xử lý vi phạm hành chính còn thiếu, chưa đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ được giao.

b) Cán bộ, công chức thực hiện công tác quản lý xử lý vi phạm hành chính và theo dõi thi hành pháp luật phải kiêm nhiệm do đó đã ảnh hưởng đến chất lượng, hiệu quả của công tác này.

2. Việc áp dụng pháp luật về xử phạt vi phạm hành chính

Đoàn kiểm tra đã kiểm tra xác suất trực tiếp một số hồ sơ xử phạt vi phạm hành chính. Kết quả kiểm tra cho thấy, vẫn còn một số tồn tại, hạn chế, sai sót cần chấn chỉnh, xử lý, khắc phục, cụ thể:

2.1. Đối với các lĩnh vực: đất đai, xây dựng, y tế

Theo Báo cáo kiểm tra (Báo cáo số 246/BC-UBND) và kết quả làm việc với Ủy ban nhân dân phường, trong thời kỳ kiểm tra, tại địa phương không phát sinh các hồ sơ xử phạt vi phạm hành chính trong các lĩnh vực này.

2.2. Đối với lĩnh vực an ninh, trật tự, an toàn xã hội

a) Về Biên bản vi phạm hành chính

* Khoản 2 Điều 58 Luật Xử lý vi phạm hành chính quy định:

“2. Biên bản vi phạm hành chính phải ghi rõ ngày, tháng, năm, địa điểm lập biên bản; họ, tên, chức vụ người lập biên bản; họ, tên, địa chỉ, nghề nghiệp của người vi phạm hoặc tên, địa chỉ của tổ chức vi phạm; giờ, ngày, tháng, năm, địa điểm xảy ra vi phạm; hành vi vi phạm; biện pháp ngăn chặn vi phạm hành chính và bảo đảm việc xử lý; tình trạng tang vật, phương tiện bị tạm giữ; lời khai của người vi phạm hoặc đại diện tổ chức vi phạm; nếu có người chứng kiến, người bị thiệt hại hoặc đại diện tổ chức bị thiệt hại thì phải ghi rõ họ, tên, địa chỉ, lời khai của họ; quyền và thời hạn giải trình về vi phạm hành chính của người vi phạm hoặc đại diện của tổ chức vi phạm; cơ quan tiếp nhận giải trình.

Trường hợp người vi phạm, đại diện tổ chức vi phạm không có mặt tại nơi vi phạm hoặc cố tình trốn tránh hoặc vì lý do khách quan mà không ký vào biên bản thì biên bản phải có chữ ký của đại diện chính quyền cơ sở nơi xảy ra vi phạm hoặc của hai người chứng kiến.”

Tại Biên bản vi phạm hành chính số 0002909 lập ngày 29/9/2020 thể hiện: cá nhân vi phạm không ký vào biên bản (lý do không thừa nhận hành vi vi phạm), tuy nhiên tại biên bản chỉ có 01 (một) người chứng kiến là không phù hợp với quy định viện dẫn nêu trên.

Tương tự, là Biên bản vi phạm hành chính số 0004609 lập ngày 10/5/2020 (người vi phạm không có mặt) nhưng biên bản không có chữ ký của đại diện chính quyền địa phương hoặc của hai người chứng kiến theo quy định.

* Tại mục (1), (2) mẫu Biên bản vi phạm hành chính số MBB43 ban hành kèm theo Thông tư số 07/2019/TT-BCA ngày 20/3/2019 của Bộ Công an quy định về các biểu mẫu sử dụng để xử phạt vi phạm hành chính thuộc thẩm quyền của Công an nhân dân (Thông tư số 07/2019/TT-BCA), hướng dẫn: (1) Tên cơ quan chủ quản; (2) Tên đơn vị của người có thẩm quyền lập biên bản.

Tuy nhiên, tại Biên bản vi phạm hành chính số 0004630 lập ngày 23/02/2021 không ghi tên cơ quan chủ quản, tên đơn vị của người có thẩm quyền lập biên bản là không phù hợp với hướng dẫn nêu trên.

b) Về hành vi vi phạm hành chính

Tại hồ sơ xử phạt vi phạm hành chính theo Quyết định số 0002906/QĐ-XPVPHC ngày 11/10/2019 thể hiện: “Hành vi dùng tay chân đánh đá ông ...” quy định tại điểm e khoản 3 Điều 5 Nghị định số 167/2013/NĐ-CP.

Điểm e khoản 3 Điều 5 Nghị định số 167/2013/NĐ-CP quy định hành vi “*xâm hại hoặc thuê người khác xâm hại đến sức khỏe của người khác*” là hành vi vi phạm hành chính (không quy định hành vi dùng tay chân đánh đá). Việc ghi nhận hành vi vi phạm hành chính như đã nêu trên là không phù hợp với Nghị định số 167/2013/NĐ-CP.

c) Về giải trình

* Cho cá nhân vi phạm giải trình đối với trường hợp không thuộc trường hợp được quyền giải trình

Khoản 1 Điều 61 Luật Xử lý vi phạm hành chính quy định:

*“1. Đối với hành vi vi phạm hành chính mà pháp luật quy định áp dụng hình thức xử phạt tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn **hoặc** áp dụng mức phạt tiền tối đa của khung tiền phạt đối với hành vi đó từ 15.000.000 đồng trở lên đối với cá nhân, từ 30.000.000 đồng trở lên đối với tổ chức thì cá nhân, tổ chức vi phạm có quyền giải trình trực tiếp hoặc bằng văn bản với người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính. Người có thẩm quyền xử phạt có trách nhiệm xem xét ý kiến giải trình của cá nhân, tổ chức vi phạm hành chính trước khi ra quyết định xử phạt, trừ trường hợp cá nhân, tổ chức không có yêu cầu giải trình trong thời hạn quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này.”*

Như vậy, chỉ những hành vi vi phạm hành chính mà pháp luật quy định áp dụng hình thức xử phạt hoặc áp dụng mức phạt tiền tối đa của khung tiền phạt như đã nêu trên thì cá nhân, tổ chức vi phạm mới có quyền giải trình trực tiếp hoặc bằng văn bản với người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính (trừ trường hợp cá nhân, tổ chức không có yêu cầu giải trình theo quy định).

Tại Biên bản vi phạm hành chính số 0002612/BB-VPHC ngày 07/10/2019 thể hiện hành vi vi phạm quy định tại điểm e khoản 3 Điều 5 Nghị định số 167/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ. Theo đó, với hành vi này sẽ bị xử phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng.

Tuy nhiên, tại mục (12) Biên bản thể hiện: “Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày lập biên bản này, ông (bà) ... là cá nhân vi phạm có quyền gửi văn bản yêu cầu giải trình được giải trình trực tiếp/văn bản giải trình đến ... để thực hiện quyền giải trình”. Như vậy, việc cho cá nhân vi phạm giải trình đối với vụ việc không thuộc trường hợp được quyền giải trình là không phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 61 Luật Xử lý vi phạm hành chính như đã viện dẫn nêu trên.

Tương tự, là các Biên bản vi phạm hành chính số: 2084/BB-VPHC ngày 09/12/2019; 2085/BB-VPHC ngày 09/12/2019; 2086/BB-VPHC ngày

09/12/2019; 0002613/BB-VPHC ngày 09/12/2019; 2095/BB-VPHC ngày 09/5/2020; 0002908/BB-VPHC ngày 14/9/2020, ...

d) Về mức tiền phạt

Khoản 4 Điều 23 Luật Xử lý vi phạm hành chính quy định:

“4. Mức tiền phạt cụ thể đối với một hành vi vi phạm hành chính là mức trung bình của khung tiền phạt được quy định đối với hành vi vi phạm đó; nếu có tình tiết giảm nhẹ thì mức tiền phạt có thể giảm xuống nhưng không được giảm quá mức tối thiểu của khung tiền phạt; nếu có tình tiết tăng nặng thì mức phạt có thể tăng lên nhưng không được vượt quá mức tiền phạt tối đa của khung tiền phạt”.

Tuy nhiên, tại các Quyết định xử phạt số: 0003049 ngày 19/9/2020; 0003050 ngày 03/10/2020; 0003039 ngày 13/12/2019; 0003040 ngày 13/12/2019; 0003042 ngày 13/12/2019 lại ghi mức tiền phạt là khung tiền phạt của hành vi vi phạm hành chính (từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng).

Như vậy là không phù hợp với khoản 4 Điều 23 Luật Xử lý vi phạm hành chính viện dẫn nêu trên.

đ) Về áp dụng hình thức xử phạt bổ sung

Khoản 6 Điều 26 Nghị định số 167/2013/NĐ-CP quy định:

“6. Hình thức xử phạt bổ sung:

*Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính và tịch thu tiền do vi phạm hành chính mà có đối với hành vi quy định tại Khoản 1; **Khoản 2**; Điểm a Khoản 3; Điểm b, c, d Khoản 4 và Khoản 5 Điều này.”*

Tại hồ sơ xử phạt vi phạm hành chính theo Quyết định xử phạt số 0026810/QĐ-XPVPHC ngày 03/01/2019 thể hiện hành vi vi phạm hành chính: “Đánh bạc trái phép” quy định tại điểm a khoản 2 Điều 26 Nghị định số 167/2013/NĐ-CP. Với hành vi này theo quy định tại khoản 6 Điều 26 Nghị định số 167/2013/NĐ-CP ngoài việc bị phạt tiền, cá nhân vi phạm còn bị áp dụng hình thức xử phạt bổ sung sau:

- Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính và tịch thu tiền do vi phạm hành chính mà có.

Tuy nhiên, tại khoản 6 Quyết định xử phạt số 0026810/QĐ-XPVPHC chỉ thể hiện hình thức xử phạt chính (phạt tiền) mà không có hình thức xử phạt bổ sung. Như vậy, là chưa phù hợp với quy định tại 6 Điều 26 Nghị định số 167/2013/NĐ-CP như đã viện dẫn nêu trên, vi phạm những hành vi bị nghiêm cấm quy định tại Điều 12 Luật Xử lý vi phạm hành chính (*Áp dụng hình thức xử phạt không đầy đủ đối với hành vi vi phạm hành chính*).

e) Về nộp tiền phạt

- Khoản 1, 2 và 3 Điều 78 Luật Xử lý vi phạm hành chính quy định:

“1. Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được quyết định xử phạt, cá nhân, tổ chức bị xử phạt phải nộp tiền phạt tại Kho bạc Nhà nước hoặc nộp vào tài khoản của Kho bạc Nhà nước được ghi trong quyết định xử phạt, trừ trường hợp đã nộp tiền phạt quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này. Nếu quá thời hạn nêu trên, thì sẽ bị cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt và cứ mỗi ngày chậm nộp phạt thì cá nhân, tổ chức vi phạm phải nộp thêm 0,05% trên tổng số tiền phạt chưa nộp.

2. Tại vùng sâu, vùng xa, biên giới, miền núi mà việc đi lại gặp khó khăn thì cá nhân, tổ chức bị xử phạt có thể nộp tiền phạt cho người có thẩm quyền xử phạt. Người có thẩm quyền xử phạt có trách nhiệm thu tiền phạt tại chỗ và nộp tại Kho bạc Nhà nước hoặc nộp vào tài khoản của Kho bạc Nhà nước trong thời hạn không quá 07 ngày, kể từ ngày thu tiền phạt.

Trường hợp xử phạt trên biển hoặc ngoài giờ hành chính, người có thẩm quyền xử phạt được thu tiền phạt trực tiếp và phải nộp tại Kho bạc Nhà nước hoặc nộp vào tài khoản của Kho bạc Nhà nước trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày vào đến bờ hoặc ngày thu tiền phạt.

3. Cá nhân, tổ chức vi phạm hành chính bị phạt tiền phải nộp tiền phạt một lần, trừ trường hợp quy định tại Điều 79 của Luật này.

Mọi trường hợp thu tiền phạt, người thu tiền phạt có trách nhiệm giao chứng từ thu tiền phạt cho cá nhân, tổ chức nộp tiền phạt.”

- Tại mục (17) mẫu Quyết định số 02 ban hành kèm theo Nghị định số 97/2017/NĐ-CP, hướng dẫn cụ thể như sau:

“Ghi đầy đủ tên, địa chỉ Kho bạc nhà nước hoặc tên, địa chỉ Ngân hàng thương mại được Kho bạc nhà nước ủy nhiệm thu tiền phạt.”

- Tại mục (7) mẫu Quyết định số 02 ban hành kèm theo Thông tư số 07/2019/TT-BCA, hướng dẫn cụ thể như sau:

“Ghi rõ tên, địa chỉ Kho bạc nhà nước hoặc Ngân hàng thương mại do Kho bạc nhà nước ủy nhiệm thu”

Ủy ban nhân dân phường Phú Bài không phải vùng sâu, vùng xa, biên giới, miền núi mà việc đi lại gặp khó khăn. Tuy nhiên, tại Điều 3 các Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số: 0003004/QĐ-XPVPHC ngày 14/5/2020; 0003005/QĐ-XPVPHC ngày 14/5/2020; 0003006/QĐ-XPVPHC ngày 14/5/2020; 000412/QĐ-XPVPHC ngày 30/02/2021 thể hiện: *“ông/bà ... phải nộp tiền phạt tại công an phường Phú Bài trong thời hạn ... ngày kể từ ngày nhận được Quyết định xử phạt”*. Như vậy, là không phù hợp với các quy định viện dẫn nêu trên.

Mặt khác, các Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số: 0002906/QĐ-XPVPHC ngày 11/10/2019; 0003040/QĐ-XPVPHC ngày 13/12/2019; 0003042/QĐ-XPVPHC ngày 13/12/2019 có ghi nhưng chỉ ghi “ngân hàng” nhưng không ghi rõ là ngân hàng nào.

IV. KIẾN NGHỊ CỦA ĐOÀN KIỂM TRA

Từ những kết luận nêu trên, để triển khai thực hiện đồng bộ, có hiệu quả các quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính; đồng thời, chấn chỉnh, khắc phục và xử lý đối với những tồn tại, hạn chế, sai sót trong việc thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trong các lĩnh vực: đất đai, xây dựng, y tế và an ninh, trật tự, an toàn xã hội, Trưởng đoàn kiểm tra kiến nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường Phú Bài thực hiện một số nhiệm vụ và xử lý khắc phục các tồn tại, hạn chế, sai sót như sau:

1. Tiếp tục quán triệt cán bộ, công chức, viên chức, người thi hành công vụ về vai trò, tầm quan trọng của công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính nói chung và trong các lĩnh vực: đất đai, xây dựng, y tế và an ninh, trật tự, an toàn xã hội nói riêng.

2. Quán triệt, thực hiện nghiêm các chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về các nhiệm vụ, giải pháp nâng cao hiệu quả công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn tỉnh: Công văn số 2859/UBND-TTr ngày 15/8/2019; Công văn số 11885/UBND-TĐKT ngày 30/12/2020; Công văn số 3708/UBND-TĐKT ngày 07/5/2021; các văn bản về triển khai thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính và các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật: Công văn số 12969/UBND-TP ngày 31/12/2021, Công văn số 90/UBND-TP ngày 05/01/2022; các văn bản hướng dẫn của Sở Tư pháp: Công văn số 2481/STP-BTTP ngày 20/12/2021, Công văn số 1192/STP-BTTP ngày 07/7/2022 và các văn bản có liên quan của Ủy ban nhân dân thị xã, Phòng Tư pháp.

Đồng thời, tăng cường công tác phòng ngừa, kiểm tra và kịp thời xử lý nghiêm minh, triệt để các hành vi vi phạm hành chính trên địa bàn.

3. Tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến các quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính bằng các phương thức, hình thức phù hợp, hiệu quả nhằm nâng cao nhận thức pháp luật và ý thức tuân thủ pháp luật của người dân, doanh nghiệp. Phát huy vai trò của công chức Tư pháp - Hộ tịch trong việc tham mưu giúp Ủy ban nhân dân phường theo dõi thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính. Có giải pháp nâng cao năng lực của đội ngũ những người làm công tác tham mưu cho người có thẩm quyền xử phạt của Ủy ban nhân dân phường thực hiện công tác xử phạt vi phạm hành chính.

4. Tiếp tục quan tâm kiện toàn tổ chức, bảo đảm các điều kiện về cơ sở vật chất, tạo điều kiện cho cán bộ, công chức tham gia bồi dưỡng tập huấn chuyên sâu nhằm nâng cao nghiệp vụ công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.

5. Kiểm tra, rà soát kết quả thi hành các quyết định xử phạt vi phạm hành chính; trong trường hợp chưa thi hành hoặc thi hành không đầy đủ, đề nghị áp dụng biện pháp cưỡng chế thi hành theo quy định tại Điều 86 Luật Xử lý vi phạm hành chính và các văn bản có liên quan.

6. Chỉ đạo đơn vị, cá nhân có liên quan nghiêm túc rút kinh nghiệm, khắc phục những tồn tại, hạn chế mà Đoàn kiểm tra đã nêu tại Kết luận này. Không để tiếp tục xảy ra sai phạm trong việc thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trong các lĩnh vực: đất đai, xây dựng, y tế và an ninh, trật tự, an toàn xã hội tại địa phương.

7. Trên cơ sở các sai sót, hạn chế nêu tại kết luận này, căn cứ quy định tại Chương IV Nghị định số 19/2020/NĐ-CP ngày 12/02/2020 của Chính phủ về kiểm tra, xử lý kỷ luật trong thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính và các quy định có liên quan xem xét xử lý trách nhiệm các đơn vị, cá nhân có liên quan theo quy định.

V. ĐỀ NGHỊ ỦY BAN NHÂN DÂN THỊ XÃ HƯƠNG THỦY

Phối hợp thực hiện, đôn đốc, theo dõi việc thực hiện Kết luận này./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (để báo cáo);
- Giám đốc Sở Tư pháp;
- Các thành viên Đoàn kiểm tra (để biết);
- Trang TTĐT Sở Tư pháp (để đăng tải);
- Lưu: VT, BTTP, Hsơ ĐKT.

**TM. ĐOÀN KIỂM TRA
TRƯỞNG ĐOÀN**

**PHÓ GIÁM ĐỐC SỞ TƯ PHÁP
Nguyễn Thanh Sơn**